TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **272**/2023/HS-ST
Ngày 06/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Như Toản và bà Hồ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Phương Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thu Trang và ông Trần Anh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 259/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Văn H**, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1979; tại tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: khu B, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: tổ C, khu D, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Lê Thị S; vợ: Tạ Thị Kiều N, sinh năm 1983 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án: ngày 18/11/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên xử phạt 09 năm tù giam về tội "Cướp giật tài sản", ngày 14/10/2022, chấp hành xong án phạt tù, ngày 13/10/2017, chấp hành xong phần thi hành án dân sự; tiền sự: không; nhân thân: ngày 26/6/2015, bị Công an thị xã Q xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; bị bắt quả tang ngày 26/6/2023; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

- Bị hại: chị Nguyễn Thu T1; nơi cư trú: tổ H, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: anh Lý Xuân Q, sinh năm 1992; vắng mặt.

- Người chứng kiến: anh Vũ Quốc T2, sinh năm 1978; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 26/6/2023, Đỗ Văn H điều khiển xe môtô nhãn hiệu

Honda Airblade, màu sơn đen-vàng, biển kiểm soát (BKS) 14X1-502.11 một mình đi trên đường bao biển T hướng H - C, khi đến đoạn gần trường L thuộc tổ G, khu D, phường H, TP ., H nhìn thấy chị Nguyễn Thu T1 đang điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn vàng -nâu, BKS 14B1-479.48, trên vai đang đeo chéo 01 chiếc túi xách để ở trước bụng, chị T1 đi một mình, cùng chiều, vượt qua H. Thấy đoạn đường vắng người qua lại và do đang thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên H nảy sinh ý định cướp giật chiếc túi xách của chị T1. H điều khiển xe môtô áp sát bên phải xe môtô của chị T1, dùng tay trái giật chiếc túi xách của chị T1 rồi điều khiển xe chạy nhanh về phía đường "Tuyến than". Bị giật mất chiếc túi xách nhưng thấy xung quanh không có ai, chị T1 không hô hoán lên mà điều khiển xe đi theo sau với tốc độ khoảng 60km/giờ, vẫn giữ khoảng cách từ 80-100m với H để tìm cơ hội chặn, bắt. Khi đuổi theo H đến đầu đường T than, chị T1 thấy anh Lý Xuân Q đang đi cùng chiều nên chị T1 nhờ anh Q cùng đuổi theo H đang chạy phía trước. Đi được khoảng 200m, đến khu vực đối diện cổng Công ty T3 (cách vị trí xảy ra cướp giật khoảng 1,5km) thì chị T1 và anh Q chặn được xe của H, chị T1 hô hoán "Cướp…", đúng lúc này lực lượng Công an phường H đang thực hiện nhiệm vụ gần đó đi đến, cùng phối hợp bắt quả tang H, thu giữ 01 túi xách giả da màu đen, không nhãn hiệu mà Hợi vừa cướp giật được, bên trong túi có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu trắng, dung lượng 128GB, số Imei: 359139866796165; số tiền 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng); 01 giấy phép lái xe môtô số 011182007040 mang tên Nguyễn Thu T1 và 01 xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn: đen vàng, BKS 14X1-502.11, số khung: RLHJK1407NZ263779, số máy: JK14E0145135 là phương tiện của H sử dụng đi cướp giật tài sản.

*Tại Kết luận định giá tài sản số 117/KLĐGTS ngày 27/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, dung lượng 128Gb, số IMEI 359139866796165, mua mới vào thàng 09/2022, đã qua sử dụng có trị giá là 10.791.000 đồng (mười triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn đồng). Hội đồng định giá tài sản thành phố H từ chối định giá đối với 01 (một) chiếc túi xách giả da màu đen, không có nhãn hiệu, kích thước 19x11x3cm do tài sản không có nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ, hóa đơn mua bán hàng hóa.

Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen vàng, biển kiểm soát 14X1-502.11, chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự; Đối với 01 chiếc túi xách, 01 điện thoại di động, 01 giấy phép lái xe cùng số tiền 30.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thu T1 là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số: 249/CT - VKSHL ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố Đỗ Văn H về tội "cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự;

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo có khai như nội dung khai trong quá trình điều tra.

- Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm

b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Đỗ Văn H từ 36 đến 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt: ngày 26/6/2023; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen vàng, biển kiểm soát 14X1-502.11.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận khoảng 20 giờ ngày 26/6/2023, bị cáo đã điều khiển xe mô tô thực hiện hành vi cướp giật tài sản như nội dung vụ án nêu trên. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với vật chứng thu giữ, các tài liệu về hiện trường, kết luận định giá tái sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 20 giờ ngày 26/6/2023, tại tổ G, khu D, phường H, thành phố H, Đỗ Văn H đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 14X1-502.11 áp sát rồi cướp giật của chị Nguyễn Thu T1 đang điều khiển xe mô tô đi cùng chiều 01 túi xách bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, dung lượng 128Gb, số IMEI 359139866796165 trị giá 10.791.000 đồng và số tiền 30.000 đồng, sau đó nhanh chóng tẩu thoát. Tổng trị tài sản bị chiếm đoạt 10.821.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác.

Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "cướp giật tài sản", thuộc trường hợp "dùng thủ đoạn nguy hiểm", "tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm d,i khoản 2 Điều 171 của của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm, như cáo trạng đã nêu là có căn cứ pháp luật.

Điều 171 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đấy, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

d, D thủ đoạn nguy hiểm

i,Tái phạm nguy hiểm"

[2] Bị cáo đã nhiều năm phải chấp hành hình phạt tù về và nhận thức rõ quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Nhưng

khi quan sát thấy bị hại thì bị cáo liền nảy sinh ngay ý định chiếm đoạt tài sản và thực hiện hành vi phạm tội một cách công khai, táo tợn và đến cùng, đã thể hiện bị cáo là đối tượng coi thường pháp luật và không có ý thức tu dưỡng rèn luyện bản thân. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại, đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- 01 chiếc túi xách, 01 điện thoại di động, 01 giấy phép lái xe và số tiền 30.000 đồng, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại, nay bị hại không yêu cầu gì, nên không xét.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen vàng, biển kiểm soát 14X1-502.11, bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của bị cáo nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước;

[7] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát: xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng Hình sự quy định; tại phiên tòa các bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi cướp giật tài sản như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra -Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Đỗ Văn H phạm tội: "cướp giật tài sản"

Xử phạt: bị cáo Đỗ Văn H 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt: ngày 26/6/2023.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen vàng, biển kiểm soát 14X1-502.11, số khung JLHJK1407NZ26379, số máy JK14E0145135 (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 37/BB-THA ngày 22/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Cơ quan ĐTCATP H;
- Cơ quan THAHS TP H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- Chi cục THADS TP H;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng